

## PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      /      /2025 của UBND tỉnh)

| TT | Tên điểm mỏ                 | Vị trí                                                                        | Điểm<br>khép<br>góc | Hệ tọa độ VN2000<br>(KTT 110 <sup>0</sup> 00 múi chiều 6 <sup>0</sup> ) |         | Diện tích (ha) |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|----------------|
|    |                             |                                                                               |                     | X (m)                                                                   | Y (m)   |                |
| 1  | Khu vực mỏ titan Nam Đền Gi | Xã Cát Thành, huyện Phù Cát tỉnh Bình Định - Nay là xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai | 1                   | 1.556.717                                                               | 305.751 | 150 ha         |
|    |                             |                                                                               | 2                   | 1.557.029                                                               | 585.955 |                |
|    |                             |                                                                               | 3                   | 1.556.667                                                               | 586.418 |                |
|    |                             |                                                                               | 4                   | 1.556.785                                                               | 586.523 |                |
|    |                             |                                                                               | 5                   | 1.557.098                                                               | 306.840 |                |
|    |                             |                                                                               | 6                   | 1.557.098                                                               | 307.250 |                |
|    |                             |                                                                               | 7                   | 1.555.962                                                               | 307.840 |                |
|    |                             |                                                                               | 8                   | 1.555.962                                                               | 306.376 |                |
| 2  | Khu vực mỏ titan Mỹ An 5    | Xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định - nay là xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai   | 1                   | 1.578.440                                                               | 301.676 | 180,69 ha      |
|    |                             |                                                                               | 2                   | 1.578.717                                                               | 302.020 |                |
|    |                             |                                                                               | 3                   | 1.578.833                                                               | 302.505 |                |
|    |                             |                                                                               | 4                   | 1.578.706                                                               | 302.780 |                |
|    |                             |                                                                               | 5                   | 1.578.325                                                               | 303.118 |                |
|    |                             |                                                                               | 6                   | 1.578.051                                                               | 303.313 |                |
|    |                             |                                                                               | 7                   | 1.577.954                                                               | 303.350 |                |
|    |                             |                                                                               | 8                   | 1.577.575                                                               | 303.105 |                |
|    |                             |                                                                               | 9                   | 1.577.368                                                               | 302.769 |                |
|    |                             |                                                                               | 10                  | 1.577.146                                                               | 302.136 |                |
|    |                             |                                                                               | 11                  | 1.577.468                                                               | 302.138 |                |
|    |                             |                                                                               | 12                  | 1.577.551                                                               | 301.933 |                |
|    |                             |                                                                               | 13                  | 1.577.801                                                               | 301.712 |                |
|    |                             |                                                                               | 14                  | 1.577.912                                                               | 301.896 |                |

**PHỤ LỤC II**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh)

| TT       | Tên dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm      | Phương án đấu nối                                                                                                                                   | Công suất (MW)  | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                                                                                                                                 |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Danh mục các dự án nguồn năng lượng tái tạo có trong Quyết định số 1619/QĐ- TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh lại địa điểm thực hiện dự án và cập nhật công suất, phương án đấu nối để phù hợp với công suất và phương án đấu nối đã phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ</b> |               |                                                                                                                                                     | <b>4.990,15</b> |                      |                                                                                                                                                         |
| <b>I</b> | <b>Thủy điện</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                                                                                                                                                     | <b>457,41</b>   |                      |                                                                                                                                                         |
| 1        | Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xã Vĩnh Sơn   | Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép từ Trạm biến áp Vĩnh Sơn 4 đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Vĩnh Sơn - Hoài Nhơn, mạch kép dài 1,5 km | 18              | 2026-2030            | Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần 3 ngày 01/4/2024. Dự án đang triển khai thi công.              |
| 2        | Nhà máy thủy điện Sông Vồ (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xã An Lão     | Xây dựng đường dây 22kV mạch đơn đấu nối vào đường dây 22kV gần khu vực dự án, chiều dài khoảng 0,3km                                               | 0,57            | 2026-2030            | UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho triển khai các bước tiếp theo để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án tại Công văn số 5900/UBND-KT ngày 29/6/2025 |
| 3        | Nhà máy thủy điện Vạn Hội (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xã Vạn Đức    | Xây dựng đường dây 22kV mạch đơn đấu nối vào đường dây 22kV gần khu vực dự án, chiều dài khoảng 0,5km,                                              | 1,25            | 2026-2030            |                                                                                                                                                         |
| 4        | Nhà máy thủy điện Định Bình 2 (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xã Vĩnh Thịnh | Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 35kV trạm biến áp 110kV Đồn Phó hiện hữu, chiều dài khoảng 23km                              | 10,50           | 2026-2030            |                                                                                                                                                         |

| TT | Tên dự án                                                                   | Địa điểm     | Phương án đầu nối                                                                                     | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                                                                |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Nhà máy thủy điện Hội Sơn (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)    | Xã Hội Sơn   | Xây dựng đường dây 22kV mạch đơn đầu nối vào đường dây 22kV gần khu vực dự án, chiều dài khoảng 0,4km | 1,19           | 2026-2030            |                                                                                        |
| 6  | Nhà máy thủy điện Thuận Ninh (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi) | Xã Bình Hiệp | Xây dựng đường dây 22kV mạch đơn đầu nối vào đường dây 22kV gần khu vực dự án, chiều dài khoảng 0,6km | 1,20           | 2026-2030            |                                                                                        |
| 7  | Nâng công suất Nhà máy thủy điện Đồng Mít (từ công suất lên 07MW đến 09MW)  | Xã An Vinh   | Đầu nối vào trạm biến áp 35kV Nhà máy thủy điện Đồng Mít hiện hữu                                     | 2,0            | 2026-2030            |                                                                                        |
| 8  | Nhà máy thủy điện Sê San 3 MR                                               | Xã Ia Ly     | Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV NMTĐ Sê San 3 hiện có  | 130            | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 9  | Nhà máy thủy điện Sê San 4 MR                                               | Xã Ia O      | Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV NMTĐ Sê San 4 hiện có  | 120            | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 10 | Nhà máy thủy điện Sê San 4A MR                                              | Xã Ia O      | Xây dựng mới đường dây 220kV mạch đơn đến TBA 220kV NMTĐ Sê San 4A hiện có                            | 29             | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ. |

| TT | Tên dự án                        | Địa điểm                                                   | Phương án đầu nối                                                                                                                                   | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | Nhà máy thủy điện Ia Glae 2      | Xã Ia Pia                                                  | Xây dựng mới đường dây 22kV mạch đơn, đầu nối từ TBA nâng NMTĐ Ia Glae 2 đến thanh cái 22kV TBA 110kV Pleime                                        | 12             | 2026-2030            | Đã cấp chủ trương đầu tư, hiện đang thi công xây dựng; Điều chỉnh năm dự kiến vận hành năm 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 để phù hợp với tiến độ đầu tư TBA 110kV Pleime. |
| 12 | Nhà máy thủy điện Ia Tchom 1     | Xã Ia Grai, xã Ia Krái                                     | Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn, đầu nối từ TBA nâng NMTĐ Ia Tchom 1 đến thanh cái 35kV TBA 110kV Ia Grai                                      | 9,0            | 2026-2030            | Đã cấp chủ trương đầu tư, hiện đang triển khai các thủ tục đầu tư.                                                                                                         |
| 13 | Nhà máy thủy điện Ia Grai Thượng | Xã Ia Grai                                                 | Xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn, đầu nối từ BA nâng NMTĐ Ia Grai Thượng đến thanh cái 110kV TBA 110kV Ia Grai                                 | 12             | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Nâng công suất từ 8MW lên 12MW.                                                   |
| 14 | Nhà máy thủy điện Lơ Pang        | Xã Mang Yang, xã Lơ Pang                                   | Xây dựng mới đường dây 22kV mạch đơn, đầu nối từ TBA nâng NMTĐ Lơ Pang vào lưới điện qua đường dây 22kV hiện có và cải tạo, nâng cấp đường dây 22kV | 6,5            | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ                                                                                    |
| 15 | Nhà máy thủy điện Đăk Pô Kei     | Xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai và xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi | Xây dựng mới đường dây 22kV mạch đơn, đầu nối từ TBA nâng NMTĐ Đăk Pô Kei đến thanh cái 22kV TBA 110kV Kon Tum 2                                    | 6,0            | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.                                                                                   |

| TT | Tên dự án                                           | Địa điểm                         | Phương án đấu nối                                                                                                                                         | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                                                                  |
|----|-----------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16 | Nhà máy thủy điện Ia Hiao                           | Xã Ia Hiao, xã Ia Rbol           | Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn, đấu nối từ BA nâng NMTĐ Ia Hiao đến thanh cái 35kV TBA 110kV Ayun Pa                                                | 12             | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 17 | Nhà máy thủy điện Đăk Ayuonh                        | Xã Mang Yang, xã Lơ Pang, xã Hra | Xây dựng mới đường dây 22kV mạch đơn, đấu nối từ TBA nâng NMTĐ Đăk Ayuonh đến thanh cái 22kV TBA 110kV Mang Yang                                          | 12             | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 18 | Nhà máy thủy điện Krông Ja Taun                     | Xã Lơ Pang, xã Kon Chiên         | Xây dựng mới đường dây 22kV mạch đơn, đấu nối từ TBA nâng NMTĐ Krông Ja Taun vào lưới điện qua đường dây 22kV hiện có và cải tạo, nâng cấp đường dây 22kV | 5,5            | 2026-2030            | Có trong danh mục tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 19 | Nhà máy thủy điện Ayun 2                            | Xã Lơ Pang, Xã KDang             | Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép, đấu nối vào đường dây 110kV H'Mun - Ayun Thượng 1A                                                                 | 16,8           | 2026-2030            |                                                                                          |
| 20 | Nhà máy thủy điện Ia Grai 3 MR                      | Xã Ia Krái                       | NMTĐ Ia Grai 3 mở rộng sẽ được đấu nối với đường dây tải điện đang sử dụng cho NMTĐ Ia Grai 3 hiện tại                                                    | 7,5            | 2026-2030            |                                                                                          |
| 21 | Nhà máy thủy điện Ry Ninh 2 MR                      | Xã Ia Ly                         | Sử dụng trạm và đường dây đấu nối của nhà máy hiện hữu                                                                                                    | 10             | 2026-2030            |                                                                                          |
| 22 | NCS TĐ Krông Pa 2 (Nâng công suất từ 15MW lên 18MW) | Xã Đak Rong                      | Sử dụng trạm và đường dây đấu nối của nhà máy hiện hữu                                                                                                    | 3,0            | 2026-2030            |                                                                                          |
| 23 | NCS TĐ Đăk Ble (Nâng công suất từ 5MW lên 6,5MW)    | Xã Đak Rong                      | Sử dụng trạm và đường dây đấu nối của nhà máy hiện hữu                                                                                                    | 1,5            | 2026-2030            |                                                                                          |

| TT | Tên dự án                                                  | Địa điểm                 | Phương án đấu nối                                                    | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 24 | NCS TĐ Hchan (Nâng công suất từ 12MW lên 13MW)             | Xã Lơ Pang               | Sử dụng trạm và đường dây đầu nối của nhà máy hiện hữu               | 1,0            | 2026-2030            |         |
| 25 | NCS TĐ Hmun (Nâng công suất từ 16,2MW lên 17MW)            | Xã Lơ Pang, Xã Bờ Ngoong | Sử dụng trạm và đường dây đầu nối của nhà máy hiện hữu               | 0,8            | 2026-2030            |         |
| 26 | NCS TĐ Đăk Pi Hao 1 (Nâng công suất từ 4,2MW lên 5MW)      | Xã Kon Chiêng            | Sử dụng trạm và đường dây đầu nối của nhà máy hiện hữu               | 0,8            | 2026-2030            |         |
| 27 | NCS TĐ Ia Puch 3 (Nâng công suất từ 6,6MW lên 6,9MW)       | Xã Chơ Long              | Sử dụng trạm và đường dây đầu nối của nhà máy hiện hữu               | 0,3            | 2026-2030            |         |
| 28 | NCS TĐ Đăk Srông 3B (Nâng công suất từ 19MW lên 19,5 MW)   | Xã Ia Rsai, Xã Uar       | Sử dụng trạm và đường dây đầu nối của nhà máy hiện hữu               | 0,5            | 2026-2030            |         |
| 29 | TĐ Ayun Hạ (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)  | Xã Chư A Thai            | Xây dựng đường dây 110kV dài 3,0km đấu nối vào lưới 110kV địa phương | 15             | 2026-2030            |         |
| 30 | TĐ Ia M'Lah (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi) | Xã Phú Túc               | Xây dựng đường dây 22kV đấu nối vào lưới 22kV địa phương             | 1,5            | 2026-2030            |         |
| 31 | TĐ Plei Pai (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi) | Xã Ia Lâu                | Xây dựng đường dây 22kV đấu nối vào lưới 22kV địa phương.            | 1,0            | 2026-2030            |         |
| 32 | TĐ Ia Mor (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)   | Xã Ia Mơ                 | Xây dựng đường dây 22kV đấu nối vào lưới 22kV địa phương             | 2,5            | 2026-2030            |         |

| TT        | Tên dự án                                                      | Địa điểm                                                  | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú         |
|-----------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|-----------------|
| 33        | TĐ Plei Thor Ga (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi) | Xã Chư Pưh                                                | Xây dựng đường dây 22kV đấu nối vào lưới 22kV địa phương                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0            | 2026-2030            |                 |
| 34        | TĐ Ia Thul (khai thác tiềm năng thủy điện từ hồ thủy lợi)      | Xã Ia Tul                                                 | Xây dựng đường dây 22kV đấu nối vào lưới 22kV địa phương                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,5            | 2026-2030            |                 |
| <b>II</b> | <b>Điện gió</b>                                                |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>3.296,5</b> |                      |                 |
| 1         | Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định                            | Xã Canh Liên                                              | Xây dựng đường dây 110kV mạch kép đấu nối từ trạm biến áp 110kV của Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định vào thanh cái 110kV trạm biến áp 110kV Vân Canh, chiều dài khoảng 26km                                                                                                                           | 143            | 2028                 |                 |
| 2         | Nhà máy điện gió Hòn Trâu - Giai đoạn 1                        | Khu vực mặt nước biển thuộc xã Phù Mỹ Đông và xã Cát Tiến | Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép từ Trạm biến áp nâng áp 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1A) đi Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ, chiều dài khoảng 20km và Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép từ Trạm biến áp nâng áp 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1B) đi Trạm biến áp 220kV Nhơn Hội, chiều dài khoảng 10km | 750            | 2028-2029            | Điện gió gần bờ |
| 3         | Nhà máy điện gió Vĩnh Thuận                                    | Xã Vĩnh Quang                                             | Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép từ Trạm biến áp nâng áp 110kV Nhà máy điện gió Vĩnh Thuận đấu nối vào thanh cái 110kV của Trạm biến áp 110kV Đồn Phó, chiều dài khoảng 20km                                                                                                                        | 143            | 2028                 |                 |

| TT | Tên dự án                             | Địa điểm                               | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                        | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                |
|----|---------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| 4  | Nhà máy điện gió Vân Canh 1           | Xã Canh Liên                           | Xây dựng đường dây 220kV 4 mạch từ Trạm biến áp nâng áp 220kV điện gió Vân Canh 1 đấu nối transit trên đường dây 220kV Quy Nhơn - thủy điện An Khê và đường dây 220kV Phước An - thủy điện An Khê, chiều dài khoảng 20km | 160            | 2028                 |                        |
| 5  | Nhà máy điện gió Vân Canh 2           | Xã Canh Liên và xã Vân Canh            | Xây dựng đường dây 220kV mạch đơn từ Trạm biến áp nâng áp 220kV điện gió Vân Canh 2 đấu nối vào thanh cái 220kV Trạm biến áp nâng áp 220kV Điện gió Vân Canh 1, chiều dài khoảng 15km,                                   | 180            | 2028                 |                        |
| 6  | Nhà máy điện gió Chợ Long             | Xã Chợ Long                            |                                                                                                                                                                                                                          | 105,5          | 2025                 | Đã hoàn thành xây dựng |
| 7  | Nhà máy điện gió Yang Trung           | Xã Chợ Long, xã Kông Chro, xã Chư Krey |                                                                                                                                                                                                                          | 145            | 2025                 | Đã hoàn thành xây dựng |
| 8  | Nhà máy điện gió Phát triển Miền Núi  | Xã Ia Tôr, xã Gào, xã Bàu Cạn          |                                                                                                                                                                                                                          | 49,5           | 2025                 | Đã hoàn thành xây dựng |
| 9  | Nhà máy điện gió Chế biến Tây Nguyên  | Xã Bàu Cạn                             |                                                                                                                                                                                                                          | 49,5           | 2025                 | Đã hoàn thành xây dựng |
| 10 | Nhà máy điện gió Ia Pech              | Xã Gào, xã Ia Grai, xã Ia Hrun         |                                                                                                                                                                                                                          | 33             | 2025                 | Đã hoàn thành xây dựng |
| 11 | Nhà máy điện gió Ia Boong - Chư Prông | Xã Ia Le, xã Chư Puh                   | ĐZ 220 kV Ia Boong - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1                                                                                                                                                                           | 50             | 2028                 |                        |
| 12 | Nhà máy điện gió Phú Mỹ               | Xã Ia Tô, xã Chư Prông, xã Chư Sê      | ĐZ 220kV đấu nối về trạm 35/220kV Hoàng Ân                                                                                                                                                                               | 42             | 2027                 |                        |



| TT | Tên dự án                   | Địa điểm                         | Phương án đấu nối                                                                                                                                                       | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 13 | Nhà máy điện gió Hoàng Ân   | Xã Gào, xã Bàu Cạn, xã Chư Prông | Đầu nối đường dây 220kV về TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                           | 42             | 2027                 |         |
| 14 | Nhà máy điện gió Xã Trang   | Xã K'Dang                        | ĐZ 220 kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                    | 100            | 2027                 |         |
| 15 | Nhà máy điện gió Thăng Hưng | Xã Chư Prông, xã Bàu Cạn         | ĐZ 220 kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                    | 42             | 2029                 |         |
| 16 | Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3 | Xã Chư Puh, xã Ia Le             | Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220kV của TBA 500kV Nhơn Hòa) để đấu nối Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3 | 42             | 2030                 |         |
| 17 | Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4 | Xã Chư Puh, xã Ia Le             | Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220kV của TBA 500kV Nhơn Hòa) để đấu nối Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4 | 42             | 2030                 |         |
| 18 | Nhà máy điện gió Ia Ko 1    | Xã Ia Ko                         | ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV Nhà máy điện gió Ia Ko 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa                                    | 42             | 2029                 |         |
| 19 | Nhà máy điện gió Ia Ko 2    | Xã Ia Ko                         | Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV Nhà máy điện gió Ia Ko 1 để đấu nối Nhà máy điện gió Ia Ko 2                                            | 42             | 2029                 |         |
| 20 | Nhà máy điện gió Ia Blứ 1   | Xã Ia Le                         | ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV Nhà máy điện gió Ia Blứ 1 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV                                                                            | 42             | 2028                 |         |

| TT | Tên dự án                                                   | Địa điểm                  | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                        | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
|    |                                                             |                           | Pleiku 2 - Chư Sê - Krông Buk                                                                                                                                                                                                            |                |                      |         |
| 21 | Nhà máy điện gió Lơ Pang - Gia Lai                          | Xã Lơ Pang, xã Mang Yang. | ĐZ 220kV chuyển tiếp đường dây 220kV Pleiku 2 - An Khê và đường dây 220kV Pleiku - TĐ An Khê                                                                                                                                             | 42             | 2029                 |         |
| 22 | Nhà máy điện gió Chư Sê 1                                   | Xã Chư Sê                 | ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV Nhà máy điện gió Chư Sê 1 vào thanh cái 220kV TBA 220kV Chư Sê                                                                                                                                                | 42             | 2028                 |         |
| 23 | Nhà máy điện gió Ia Le 2 (thuộc Cụm Nhà máy điện gió Ia Le) | Xã Ia Le, xã Chư Pưh      | ĐZ 220kV chuyển tiếp ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk                                                                                                                                                                                       | 42             | 2027                 |         |
| 24 | Nhà máy điện gió Chư Pong                                   | Xã Bờ Ngoong              | Đầu nối bằng ĐZ 110kV từ TBA nâng 110kV Nhà máy điện gió Chư Pong chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA 110kV Chư Sê - TBA 110kV Chư Prông                                                                                                | 42             | 2029                 |         |
| 25 | Nhà máy điện gió Chư Sê - Envision                          | Xã Bờ Ngoong, xã Chư Sê   | Đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krông Buk mạch 2 (hay còn gọi là ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk mạch 2)                                                                                                                | 40             | 2028                 |         |
| 26 | Nhà máy điện gió Ia Blứ 1 (GD2)                             | Xã Ia Le                  | Đầu nối Nhà máy điện gió Ia Blứ 1 (GD2) về TBA 220kV Nhà máy điện gió Ia Blứ 1                                                                                                                                                           | 42             | 2028                 |         |
| 27 | Nhà máy điện gió Chư Pưh 1.1                                | Xã Chư Pưh, xã Ia Le      | XDM TBA nâng 220 kV Nhà máy điện gió Chư Pưh 1.1, công suất 125MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV Nhà máy điện gió Chư Pưh 1.1 đấu nối đến TBA 220kV nâng áp Ia Bông - Chư Prông. XDM các ĐZ trung thế đầu nối Nhà máy điện gió Chư Pưh | 45             | 2030                 |         |

| TT | Tên dự án                         | Địa điểm                                                 | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                        | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
|    |                                   |                                                          | 1.1                                                                                                                                                                                                      |                |                      |         |
| 28 | Nhà máy điện gió Chư Puh 1.2      | Xã Chư Puh, xã Ia Le                                     | XDM các ĐZ trung thế đấu nối về phía trung áp của TBA nâng 220kV Nhà máy điện gió Chư Puh 1.1                                                                                                            | 45             | 2030                 |         |
| 29 | Nhà máy điện gió TNE 1            | Xã Ia Hrú, Ia Le, xã Chư Puh, xã Phú Thiện               | XDM TBA nâng 220kV Nhà máy điện gió TNE 1, công suất 63MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV Nhà máy điện gió TNE 1 đấu nối đến TBA 220kV Chư Puh 1.1. XDM các ĐZ trung thế đấu nối Nhà máy điện gió TNE 1 | 45             | 2030                 |         |
| 30 | Nhà máy điện gió TNE 2            | Xã Chư Puh, xã Ia Hrú, xã Ia Le, xã Phú Thiện            | Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220 kV Nhà máy điện gió TNE 1 để đấu nối Nhà máy điện gió TNE 2. XDM các ĐZ trung thế đấu nối Nhà máy điện gió TNE 2                   | 45             | 2030                 |         |
| 31 | Nhà máy điện gió TNE 3            | Xã Chư Puh, xã Ia Hrú, xã Chư Sê, xã Ia Le, xã Phú Thiện | Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV Nhà máy điện gió TNE 1 để đấu nối Nhà máy điện gió TNE 3. XDM các ĐZ trung thế đấu nối Nhà máy điện gió TNE 3                    | 45             | 2030                 |         |
| 32 | Nhà máy điện gió Xã Trang (GD2)   | Xã K'Dang                                                | Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                                                              | 100            | 2027                 |         |
| 33 | Nhà máy điện gió Bờ Ngoong        | Xã Bờ Ngoong, xã Ia Băng, xã K'Dang                      | Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                                                              | 100            | 2028                 |         |
| 34 | Nhà máy điện gió Thăng Hưng (GD2) | Xã Bàu Cạn, xã Chư Prông                                 | Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3                                                                                                                                                              | 38             | 2029                 |         |

| TT | Tên dự án                             | Địa điểm                       | Phương án đấu nối                                                                                                                                   | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|---------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 35 | Nhà máy điện gió Phú Mỹ (GD2)         | Xã Chư Sê                      | Đầu nối bằng ĐZ 220kV từ Nhà máy điện gió Phú Mỹ đến TBA 220kV Nhà máy điện gió Hoàng Ân và đi chung về TBA 500kV Pleiku 3                          | 38             | 2027                 |         |
| 36 | Nhà máy điện gió An Thành Gia Lai     | Xã Đak Pơ, xã Tơ Tung          | Đầu nối bằng ĐZ 220kV Nhà máy điện gió An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đầu nối transit vào 02 ĐZ 220kV Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê | 40             | 2029                 |         |
| 37 | Nhà máy điện gió Ia Dreng 1 - Chư Puh | Xã Ia Hnú, xã Ia Ko, xã Chư Sê | Đầu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV Nhà máy điện gió Ia Dreng 1 - Chư Puh vào thanh cái 220kV trạm 220kV Chư Sê                     | 40             | 2029                 |         |
| 38 | Nhà máy điện gió Ia Hla               | Xã Ia Ko                       | Đầu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn về TBA 500kV Nhơn Hòa                                                                                                | 40             | 2029                 |         |
| 39 | Nhà máy điện gió Ia Blứ 1 - Chư Puh   | Xã Ia Le                       | Đầu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (Trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đầu nối về trạm này).              | 40             | 2030                 |         |
| 40 | Nhà máy điện gió Ia Blứ 2 - Chư Puh   | Xã Ia Le                       | Đầu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (Trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đầu nối về trạm này).              | 40             | 2029                 |         |
| 41 | Nhà máy điện gió Hoàng Ân (GD2)       | Xã Bàu Cạn, xã Chư Prông       | Đầu nối bằng ĐZ 220kV từ Nhà máy điện gió Hoàng Ân đến TBA 500kV Pleiku 3                                                                           | 28             | 2027                 |         |
| 42 | Nhà máy điện gió Chư Sê 1 (GD2)       | Xã Chư Sê                      | Đầu nối bằng ĐZ 220kV từ Nhà máy điện gió Chư Sê 1 vào TBA 220kV Chư Sê                                                                             | 38             | 2028                 |         |

| TT         | Tên dự án                                           | Địa điểm            | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                                          | Công suất (MW)  | Dự kiến năm vận hành                                                                            | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 43         | Nhà máy điện gió Chư Puh                            | Xã Ia Hrú           | Đầu nối bằng đường dây 110 kV mạch kép từ TBA nâng 22/110 kV - 63 MVA Nhà máy điện gió Chư Puh đầu chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Chư Sê - Chư Puh, dây dẫn phân pha ACSR-2x240                                                                         | 35              | 2029                                                                                            |         |
| <b>III</b> | <b>Điện mặt trời tập trung</b>                      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>1.030,24</b> |                                                                                                 |         |
| 1          | Nhà máy điện mặt trời KN Ia Ly - Gia Lai            | Xã Ia Ly, xã Ia Phí | Xây mới 2 mạch đường dây 500kV NMĐMT KN Ialy - Gia Lai đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Pleiku - NMĐ Ialy (điều chỉnh so với phương án đầu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020 do khó có thể mở rộng được ngăn lộ tại TĐ Ialy).         | 400             | 2025 - 2028                                                                                     |         |
| 2          | Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2                    | Xã Ia Rsai          | TBA nâng 110kV ĐMT Krông Pa 2, công suất 2x25MVA. XDM ĐZ 110kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TĐ Đăk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa. Khi TBA 220kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đầu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220kV Krông Pa bằng ĐZ 110kV. | 39,2            | - Năm 2025: Vận hành một phần dự án, công suất 19MW<br>- Năm 2028: Vận hành phần còn lại 20,2MW |         |
| 3          | Nhà máy điện mặt trời Phú Thiện                     | Xã Chư A Thai       | Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Chư Sê - Ayun Pa                                                                                                                                                                                  | 32              | 2027                                                                                            |         |
| 4          | Nhà máy điện mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI 16 (GD2) | Xã Phú Túc          | XDM ĐZ 110 kV mạch đơn đầu nối vào TBA 110 kV Krông Pa                                                                                                                                                                                                     | 20              | 2026                                                                                            |         |

| TT | Tên dự án                                                            | Địa điểm             | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                         | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 5  | Nhà máy điện mặt trời Trang Đức                                      | Xã Ia Rsai           | TBA nâng 110kV tại ĐMT Trang Đức, công suất 50 MVA; ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Krông Pa - TĐ Đắk Srông 3B. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đấu nối ĐMT Trang Đức về TBA 220kV Krông Pa bằng ĐZ 110kV. | 39,2           | 2027                 |         |
| 6  | Nhà máy điện mặt trời Ayun Pa                                        | Xã Ia Rbol           | ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Ayun Pa - Ea H'leo                                                                                                                                                                    | 20             | 2027                 |         |
| 7  | Nhà máy điện mặt trời Ia Rsum - Bitexco - TôNa                       | Xã Uar               | Đấu nối vào thanh cái 22kV NMTĐ Đắk Srông 3B.                                                                                                                                                                                             | 11,84          | 2027                 |         |
| 8  | Nhà máy điện mặt trời nối Plei Thơ Ga 1 kết hợp hệ thống pin lưu trữ | Xã Chư Pưh, xã Ia Le | Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa                                                                                       | 35             | 2028                 |         |
| 9  | Nhà máy điện mặt trời nối Plei Thơ Ga 2 kết hợp hệ thống pin lưu trữ | Xã Chư Pưh           | Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa                                                                                       | 20             | 2027                 |         |
| 10 | Nhà máy điện mặt trời Ia Blứ 4                                       | Xã Ia Le             | Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này).                                                                                            | 40             | 2028                 |         |

| TT | Tên dự án                        | Địa điểm             | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 11 | Nhà máy điện mặt trời Ia Blứ 3   | Xã Ia Le             | Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này).                                                                                                                                                                                     | 40             | 2028                 |         |
| 12 | Nhà máy điện mặt trời Ia Blứ A   | Xã Ia Le             | Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này).                                                                                                                                                                                     | 40             | 2029                 |         |
| 13 | Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 2 | Xã Ia Le, xã Chư Puh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 125MVA tại TBA 500 kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1.</li> <li>- Xây dựng các xuất tuyến 33kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1.</li> </ul> | 90             | 2029                 |         |
| 14 | Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 1 | Xã Ia Le, xã Chư Puh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500 kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1.</li> <li>- Xây dựng các xuất tuyến 33kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1.</li> </ul>  | 49             | 2029                 |         |

| TT        | Tên dự án                                                      | Địa điểm                | Phương án đấu nối                                                                                                                                                                                                                                                         | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 15        | Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 1A kết hợp hệ thống Pin lưu trữ | Xã Ia Le, xã Chư Puh    | - Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500 kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1.<br>- Xây dựng các xuất tuyến 33kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1. | 49             | 2028                 |         |
| 16        | Nhà máy điện mặt trời nổi thủy điện Hà Tây                     | Xã Ia Khur              | Dự án sẽ truyền tải vào đường dây 110kV hiện hữu, không phải đầu tư thêm đường dây truyền tải mới.                                                                                                                                                                        | 25             | 2029                 |         |
| 17        | Nhà máy điện mặt trời nổi Kanak                                | Xã Kbang, tỉnh Gia Lai. | Đường dây 110kV ĐMTN Ka Nak – TBA 110kV Kbang tiết diện ACSR 185.                                                                                                                                                                                                         | 40             | 2029                 |         |
| 18        | Nhà máy điện mặt trời nổi Ea Dreh                              | Xã Ia Hdreh, xã Uar     | Đấu nối về TBA 220kV Krông Pa bằng đường dây 110kV mạch kép.                                                                                                                                                                                                              | 40             | 2029                 |         |
| <b>IV</b> | <b>Điện sinh khối</b>                                          |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>102</b>     |                      |         |
| 1         | Nhà máy điện sinh khối Bình Định                               | Xã Hòa Hội              | Xây dựng đường dây 110kV từ Trạm biến áp nâng áp Nhà máy sinh khối Bình Định về Trạm biến áp 110kV Phù Cát, chiều dài khoảng 30km                                                                                                                                         | 50             |                      |         |
| 2         | Nâng công suất NM điện sinh khối An Khê (mở rộng)              | Xã An Khê               | Công suất hiện hữu là 95MW, mở rộng thêm 40MW. ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV NM điện sinh khối An Khê hiện hữu. Thay MBA 63MVA bằng MBA 115MVA                                                                                                                           | 40             | 2027                 |         |
| 3         | Nhà máy Ethanol An Khê (đồng phát điện)                        | Xã An Khê               | Đấu nối vào phía thanh cái 10.5 KV của Máy biến áp 115MVA của Nhà máy điện sinh khối An Khê đã có                                                                                                                                                                         | 12             | 2029                 |         |



| TT         | Tên dự án                                                                                                                                                | Địa điểm            | Phương án đấu nối                                                                                                                               | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                    |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|--------------------------------------------|
| <b>V</b>   | <b>Điện địa nhiệt</b>                                                                                                                                    |                     |                                                                                                                                                 | <b>15</b>      |                      |                                            |
| 1          | Điện địa nhiệt Hội Vân                                                                                                                                   | Xã Hòa Hội          | Xây dựng đường dây 22kV từ trạm biến áp nâng áp 22kV điện địa nhiệt Hội Vân đến đầu nối vào thanh cái 22kV Trạm biến áp 110kV Phù Cát hiện hữu  | 15             | 2029                 |                                            |
| <b>VI</b>  | <b>Điện rác</b>                                                                                                                                          |                     |                                                                                                                                                 | <b>75</b>      |                      |                                            |
| 1          | Nhà máy Điện rác Long Mỹ - Giai đoạn 1                                                                                                                   | Phường Quy Nhơn Tây | Xây dựng trạm biến áp nâng áp 22kV và đường dây 22kV đầu nối vào thanh cái 22kV Trạm biến áp 110kV Long Mỹ hiện hữu, chiều dài khoảng 15km      | 15             | 2027                 |                                            |
| 2          | Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh, công nghệ đốt rác phát điện                                                                 | Phường Bồng Sơn     | Xây dựng đường dây 22kV từ Trạm biến áp nâng áp Nhà máy điện rác Bình Định về thanh cái 22kV Trạm biến áp 110kV Hoài Nhơn, chiều dài khoảng 5km | 15             | 2029                 |                                            |
| 3          | Nhà máy điện rác khu vực Nam Pleiku GD 1                                                                                                                 | Xã Gào              | Đầu nối về TBA 110kV Chư Sê bằng đường dây 110kV mạch kép, dài khoảng 15km                                                                      | 15             | 2030                 |                                            |
| 4          | Nhà máy điện rác khu vực Nam Pleiku GD 2                                                                                                                 | Xã Gào              | Đầu nối về TBA 110kV Chư Sê bằng đường dây 110kV mạch kép, dài khoảng 15km                                                                      | 30             | 2030                 |                                            |
| <b>VII</b> | <b>Pin lưu trữ</b>                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                 | <b>14</b>      |                      |                                            |
| 1          | Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa                                                                                                                 | Xã Ia Rсай          | Đầu nối trung áp                                                                                                                                | 7              | 2026                 | Dự án đang phát điện lắp đặt hệ thống BESS |
| 2          | Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa 2                                                                                                               | Xã Ia Rсай          |                                                                                                                                                 | 7              | 2028                 | Dự án đang phát điện lắp đặt hệ thống BESS |
| <b>B</b>   | <b>Danh mục các dự án nguồn năng lượng tái tạo bổ sung mới để phù hợp với Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh</b> |                     |                                                                                                                                                 | <b>1.140</b>   |                      |                                            |
| <b>I</b>   | <b>Thủy điện</b>                                                                                                                                         |                     |                                                                                                                                                 | <b>600</b>     |                      |                                            |

| TT         | Tên dự án                              | Địa điểm                                          | Phương án đấu nối                                                                                                                                                              | Công suất (MW) | Dự kiến năm vận hành | Ghi chú                                                                                |
|------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Nhà máy thủy điện tích năng Vĩnh Thạnh | Xã Vĩnh Thạnh                                     | Xây dựng TBA 500kV công suất 750MVA và đường dây 500kV mạch kép từ nhà máy đấu nối vào trạm biến áp 500kV Bình Định                                                            | 600            | 2032                 | Có trong danh mục tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ. |
| <b>II</b>  | <b>Điện gió</b>                        |                                                   |                                                                                                                                                                                | <b>40</b>      |                      |                                                                                        |
| 1          | Nhà máy điện gió Nhơn Hội mở rộng      | Phường Quy Nhơn Đông (thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội) | Xây dựng mới đường dây 110kV từ Trạm biến áp nâng áp Nhà máy điện gió Nhơn Hội mở rộng đến Trạm biến áp 110kV của Khách hàng sử dụng điện lớn, chiều dài khoảng 2km            | 40             | 2028                 |                                                                                        |
| <b>III</b> | <b>Điện mặt trời</b>                   |                                                   |                                                                                                                                                                                | <b>500</b>     |                      |                                                                                        |
| 1          | Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức         | Phường Bồng Sơn                                   | Xây dựng đường dây 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức đến đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hoài Nhơn - Phù Mỹ, chiều dài khoảng 02km        | 50             | 2027-2028            |                                                                                        |
| 2          | Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh       | Phường Hoài Nhơn                                  | Xây dựng đường dây 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh đến đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hoài Nhơn - Tam Quan, chiều dài khoảng 4,5km   | 60             | 2027-2028            |                                                                                        |
| 3          | Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một       | Xã An Nhơn Tây                                    | Xây dựng đường dây 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một đến đầu vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 110kV Nhơn Tân hiện hữu, chiều dài khoảng 10km | 100            | 2028-2029            | Điện mặt trời trên hồ                                                                  |

| TT | Tên dự án                          | Địa điểm                                      | Phương án đấu nối                                                     | Công suất (MW)  | Dự kiến năm vận hành           | Ghi chú                                                                  |
|----|------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 1 | Xã Phù Mỹ Đông (thuộc Khu Công nghiệp Phù Mỹ) | Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ) | 100             | Tiến độ đồng bộ với KCN Phù Mỹ | Hỗ trợ cấp điện tại chỗ cho KCN và bán điện cho ngành điện theo qui định |
| 5  | Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 2 | Xã Phù Mỹ Đông (thuộc Khu Công nghiệp Phù Mỹ) | Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ) | 100             |                                | Hỗ trợ cấp điện tại chỗ cho KCN và bán điện cho ngành điện theo qui định |
| 6  | Nhà máy điện mặt trời Bình An 1    | Xã Phù Mỹ Đông (thuộc Khu Công nghiệp Phù Mỹ) | Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ) | 90              |                                | Hỗ trợ cấp điện tại chỗ cho KCN và bán điện cho ngành điện theo qui định |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                               |                                                                       | <b>6.130,15</b> |                                |                                                                          |

*Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.*

**PHỤ LỤC III**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

| TT | Số hiệu điểm mỏ        | Vị trí                                                                            | Điểm góc | Hệ tọa độ VN2000<br>KTT 108 độ 15 phút,<br>múi 3 độ |         | Diện tích<br>(ha)                                         |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                                   |          | X (m)                                               | Y (m)   |                                                           |
| 1  | Mỏ đất tây<br>suối Yên | xã Nhơn Thọ, thị<br>xã An Nhơn - Nay<br>là phường An<br>Nhơn Nam, tỉnh<br>Gia Lai | 1        | 1.528.838                                           | 585.957 | 25,28 trừ lượng<br>dự báo (2,52<br>triệu m <sup>3</sup> ) |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.528.559                                           | 585.955 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.528.462                                           | 586.316 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.527.464                                           | 586.845 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.527.630                                           | 586.847 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 6        | 1.528.834                                           | 586.273 |                                                           |
| 2  | Mỏ đất<br>Bình Nghi    | Xã Bình nghi,<br>huyện Tây Sơn -<br>nay là xã Tây<br>Sơn, tỉnh Gia Lai            | 1        | 1.535.091                                           | 576.731 | 3.82, trừ lượng<br>dự báo (3,82<br>triệu m <sup>3</sup> ) |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.535.340                                           | 576.690 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.535.384                                           | 576.780 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.535.404                                           | 576.861 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.535.233                                           | 576.864 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 6        | 1.535.231                                           | 576.801 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 7        | 1.535.079                                           | 576.831 |                                                           |
| 3  | Mỏ Hòn<br>Quýt         | xã Cát Lâm huyện<br>Phù Cát - nay là xã<br>Hòa Hội, tỉnh Gia<br>Lai               | 1        | 1.556.774                                           | 573.730 | 85.6, trừ lượng<br>dự báo 8,56<br>triệu m <sup>3</sup>    |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.556.621                                           | 575.125 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.556.074                                           | 574.876 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.555.975                                           | 574.477 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.556.299                                           | 573.519 |                                                           |
| 4  | Mỏ Long<br>Mỹ          | xã Cát Hưng<br>huyện Phù Cát -<br>nay là xã Ngõ<br>Mây, tỉnh Gia Lai              | 1        | 1.547.092                                           | 599.832 | 40, trừ lượng<br>dự báo 2,7<br>triệu m <sup>3</sup>       |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.546.896                                           | 600.222 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.546.805                                           | 599.655 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.546.447                                           | 599.640 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.546.359                                           | 599.808 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 6        | 1.545.921                                           | 599.717 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 7        | 1.545.852                                           | 599.892 |                                                           |
| 5  | Mỏ Phú<br>Long         | xã Cát Khánh<br>huyện Phù Cát -<br>nay là xã Đề Gi,<br>tỉnh Gia Lai               | 1        | 1.559.780                                           | 598.663 | 15, trừ lượng dự<br>báo 1,05 triệu<br>m <sup>3</sup>      |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.560.029                                           | 598.886 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.560.127                                           | 599.200 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.559.935                                           | 599.280 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.559.656                                           | 598.913 |                                                           |
| 6  | Mỏ sét Tây<br>Xuân     | xã Tây Xuân huyện<br>Tây Sơn - nay là xã<br>Tây Sơn, tỉnh Gia Lai                 | 1        | 1.535.435                                           | 573.465 | 6.59, trừ lượng<br>dự báo 329.500<br>m <sup>3</sup>       |
|    |                        |                                                                                   | 2        | 1.535.523                                           | 573.586 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 3        | 1.535.406                                           | 573.695 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 4        | 1.535.168                                           | 573.621 |                                                           |
|    |                        |                                                                                   | 5        | 1.535.151                                           | 573.441 |                                                           |

| TT | Số hiệu điểm mỏ        | Vị trí                                                                                | Điểm góc | Hệ tọa độ VN2000<br>KTT 108 độ 15 phút,<br>múi 3 độ |         | Diện tích<br>(ha)                                                   |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                                                                                       |          | X (m)                                               | Y (m)   |                                                                     |
| 7  | Mỏ đất<br>Phước Mỹ     | Xã Phước Mỹ,<br>thành phố Quy<br>Nhơn, nay là<br>phường Quy Nhơn<br>Tây, tỉnh Gia Lai | 1        | 1.518.516                                           | 596.084 | 20.7, trữ lượng<br>dự báo 2,07<br>triệu m <sup>3</sup>              |
|    |                        |                                                                                       | 2        | 1.518.472                                           | 596.240 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 3        | 1.518.387                                           | 596.206 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 4        | 1.518.329                                           | 596.249 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 5        | 1.518.156                                           | 596.193 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 6        | 1.518.067                                           | 596.084 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 7        | 1.517.987                                           | 596.089 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 8        | 1.517.662                                           | 595.967 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 9        | 1.517.651                                           | 595.526 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 10       | 1.517.782                                           | 595.539 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 11       | 1.517.794                                           | 595.721 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 12       | 1.518.092                                           | 595.943 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 13       | 1.518.198                                           | 596.012 |                                                                     |
| 8  | Mỏ đá Vĩnh<br>Sơn      | Xã Vĩnh Kim, huyện<br>Vĩnh Thạnh, nay là<br>xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia<br>Lai              | 1        | 1.587.907                                           | 550.775 | 4.38, trữ lượng<br>dự báo 131.400<br>m <sup>3</sup>                 |
|    |                        |                                                                                       | 2        | 1.587.821                                           | 550.910 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 3        | 1.587.745                                           | 550.993 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 4        | 1.587.687                                           | 551.090 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 5        | 1.587.587                                           | 551.281 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 6        | 1.587.511                                           | 551.396 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 7        | 1.587.555                                           | 551.418 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 8        | 1.587.698                                           | 551.226 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 9        | 1.587.746                                           | 551.132 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 10       | 1.587.745                                           | 551.102 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 11       | 1.587.785                                           | 551.019 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 12       | 1.587.897                                           | 550.907 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 13       | 1.587.968                                           | 550.830 |                                                                     |
| 9  | Mỏ cát, đất<br>Tây Sơn | xã Tây Xuân và xã<br>Bình Nghi, huyện<br>Tây Sơn, nay là xã<br>Tây Sơn, tỉnh Gia Lai  | 1        | 1.535.677                                           | 575.353 | 142, trữ lượng<br>dự báo 3,55<br>triệu m <sup>3</sup> (cát,<br>đất) |
|    |                        |                                                                                       | 2        | 1.535.551                                           | 575.301 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 3        | 1.535.482                                           | 575.660 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 4        | 1.535.374                                           | 575.666 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 5        | 1.535.284                                           | 575.702 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 6        | 1.535.137                                           | 575.653 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 7        | 1.535.102                                           | 575.702 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 8        | 1.534.981                                           | 575.811 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 9        | 1.535.158                                           | 576.008 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 10       | 1.534.922                                           | 576.135 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 11       | 1.534.761                                           | 576.247 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 12       | 1.534.290                                           | 576.352 |                                                                     |
|    |                        |                                                                                       | 13       | 1.534.132                                           | 576.279 |                                                                     |

| TT | Số hiệu<br>điểm mỏ | Vị trí | Điểm góc | Hệ tọa độ VN2000<br>KTT 108 độ 15 phút,<br>múi 3 độ |         | Diện tích<br>(ha) |
|----|--------------------|--------|----------|-----------------------------------------------------|---------|-------------------|
|    |                    |        |          | X (m)                                               | Y (m)   |                   |
|    |                    |        | 14       | 1.534.090                                           | 576.122 |                   |
|    |                    |        | 15       | 1.533.957                                           | 576.282 |                   |
|    |                    |        | 16       | 1.533.861                                           | 576.340 |                   |
|    |                    |        | 17       | 1.533.709                                           | 576.301 |                   |
|    |                    |        | 18       | 1.533.637                                           | 576.080 |                   |
|    |                    |        | 19       | 1.533.609                                           | 576.180 |                   |
|    |                    |        | 20       | 1.533.497                                           | 576.169 |                   |
|    |                    |        | 21       | 1.533.460                                           | 576.300 |                   |
|    |                    |        | 22       | 1.533.341                                           | 576.247 |                   |
|    |                    |        | 23       | 1.533.345                                           | 576.423 |                   |
|    |                    |        | 24       | 1.533.210                                           | 576.366 |                   |
|    |                    |        | 25       | 1.532.962                                           | 576.250 |                   |
|    |                    |        | 26       | 1.532.885                                           | 576.029 |                   |
|    |                    |        | 27       | 1.533.062                                           | 575.940 |                   |
|    |                    |        | 28       | 1.533.144                                           | 575.919 |                   |
|    |                    |        | 29       | 1.532.720                                           | 575.500 |                   |
|    |                    |        | 30       | 1.532.531                                           | 575.488 |                   |
|    |                    |        | 31       | 1.532.164                                           | 575.509 |                   |
|    |                    |        | 32       | 1.532.570                                           | 575.826 |                   |
|    |                    |        | 33       | 1.532.578                                           | 575.926 |                   |
|    |                    |        | 34       | 1.532.868                                           | 576.178 |                   |
|    |                    |        | 35       | 1.532.987                                           | 576.413 |                   |
|    |                    |        | 36       | 1.533.360                                           | 576.555 |                   |
|    |                    |        | 37       | 1.533.921                                           | 576.680 |                   |
|    |                    |        | 38       | 1.534.350                                           | 576.696 |                   |
|    |                    |        | 39       | 1.535.144                                           | 576.451 |                   |
|    |                    |        | 40       | 1.535.461                                           | 576.580 |                   |
|    |                    |        | 41       | 1.535.592                                           | 576.467 |                   |
|    |                    |        | 42       | 1.535.352                                           | 576.110 |                   |
|    |                    |        | 43       | 1.535.463                                           | 576.015 |                   |
|    |                    |        | 44       | 1.535.668                                           | 575.976 |                   |

*Ghi chú: Ranh giới, tọa độ, diện tích của các điểm mỏ nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành./.*